TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1-VĨNH LONG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 24/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 02-02-2026
"V/v ly hôn giữa bà Di và ông Liêm"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1-VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Kim Yến

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Văn Tư

2. Bà Lê Thị Tú Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Bé Diễm - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Trần Khánh Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 187/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2025, về "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 148/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2026/QĐST-HNGĐ, ngày 09 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* **Hồ Thị Quan D**, sinh năm 1986; nơi cư trú: Ấp M, xã T, tỉnh Vĩnh Long (có đơn xin xét xử vắng mặt).

* *Bị đơn:* Ông **Trầm Hoàng L**, sinh năm 1969; nơi cư trú: Số F, Tổ G, ấp L, xã L, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 01/10/2025 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Hồ Thị Quan D trình bày:

Về hôn nhân: Bà D và ông Trầm Hoàng L qua thời gian tìm hiểu quen biết tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn ngày 18/6/2013, tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T (nay là xã T), tỉnh Vĩnh Long; bà D và ông L sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, mâu thuẫn thường xuyên xảy ra do không cùng quan điểm, không có tiếng nói chung, ông L không chăm lo kinh tế gia đình, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Bà D và ông L đã ly thân từ năm 2019 đến nay, mỗi người có công việc riêng, vợ chồng không còn quan tâm

lẫn nhau. Nay, bà D thấy hôn nhân không còn hạnh phúc, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, bà D yêu cầu được ly hôn với ông L.

Về con chung: Bà D và ông L có 01 con chung tên Trầm Hải L1, sinh ngày 02/7/2014, hiện nay con đang sống cùng bà D, sau khi ly hôn bà D yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết. Nợ chung: Bà D khai trong quá trình hôn nhân đến thời điểm xin ly hôn bà D và ông L không có nợ chung.

* Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng thủ tục tố tụng nhưng ông L vắng mặt không có lý do dù đã được Tòa án tống đạt thủ tục tố tụng hợp lệ theo quy định của pháp luật. Do ông L không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; vụ án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa,

- Bà Hồ Thị Quan D có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên các yêu cầu trong đơn kiện; ông Trầm Hoàng L vắng mặt đến lần thứ hai. Các đương sự không xuất trình chứng cứ gì mới tại phiên tòa.

- Quan điểm Kiểm sát viên:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng trình tự thủ tục tố tụng, đúng thời hạn xét xử, nguyên đơn bà D có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông L vắng mặt đến lần thứ 2 không lý do. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D cho ly hôn giữa bà Hồ Thị Quan D và ông Trầm Hoàng L; giao con tên Trầm Hải L1, sinh ngày 02/7/2014 cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng, ông L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con Hải Long mà không ai được cản trở; ông L không cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, nợ chung: Không có, không đặt ra giải quyết; bà D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu xin ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà Hồ Thị Quan D khởi kiện yêu cầu xin ly hôn, ông Trầm Thanh L2 vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết. Do đó, đây là vụ án tranh chấp ly hôn được quy định tại các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa

đổi bổ sung năm 2025 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long.

Ông L2 vắng mặt tại phiên tòa đến lần hai, bà D có đơn xin xét xử vắng mặt, theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

Hiện nay, bà D và ông L2 đã ly thân, phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, giữa vợ chồng ông, bà không yêu cầu Cơ quan quản lý Nhà nước về công tác gia đình tại địa phương hòa giải mâu thuẫn, tranh chấp của ông, bà; H hiện nay đang sống cùng bà D, ông L2 không đến Toà án để giải quyết; bà D xác định rõ nguyên nhân phát sinh tranh chấp trong hôn nhân, do bà D và ông L2 bất đồng quan điểm sống; ông L2 không có ý kiến gì phản đối yêu cầu xin ly hôn, nuôi con của bà D. Do đó, việc thu thập tài liệu, chứng cứ lấy ý kiến tại địa phương để tham khảo là không cần thiết.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Trong quá trình giải quyết bà D đã xác định được nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn vợ chồng, bà D và ông L2 có thời gian mâu thuẫn dài, bà D đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng ông L2 không thay đổi; bà D xin ly hôn, ông L2 biết nhưng không đến Tòa để giải quyết, cũng không tìm bà D để hòa giải mâu thuẫn vợ chồng. Từ đó, cho thấy ông L2 cũng không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà D, bà D kiên quyết giữ quan điểm ly hôn vì mâu thuẫn không thể hàn gắn, không đoàn tụ được. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà D đối với ông L2.

[2.2] Về con chung: Bà D và ông L2 có 01 con chung, con Trầm Hải L1 hiện nay đang sống cùng bà D. Sau khi ly hôn, bà D vẫn yêu cầu tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên giao con cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng; bà D không yêu cầu ông L2 cấp dưỡng nên không đặt ra giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Bà Di tự thỏa thuận với ông L2 nên không đặt ra giải quyết. Nợ chung: Bà D khai trong thời kỳ hôn nhân đến thời điểm ly hôn bà D và ông L2 không có nợ chung nên không đặt ra giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 144, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà D phải nộp án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu xin ly hôn là 300.000đồng, ông L2 không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; căn cứ Điều 28, 35, 39, 144, khoản 4 Điều 147, 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025; áp dụng điểm a

khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về nội dung:

1.1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Hồ Thị Quan D và ông Trầm Hoàng L.

1.2. Về nuôi con chung: Bà D và ông L có 01 con chung, giao Trầm Hải L1, sinh ngày 02/7/2014 cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con trưởng thành; ông L không cấp dưỡng nuôi con;

Sau khi ly hôn ông L có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung thì bà D có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con.

1.3. Về chia tài sản: Không đặt ra giải quyết; nợ chung: Không có.

2. Về án phí: Bà Hồ Thị Quan D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu xin ly hôn là 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003963 ngày 02/10/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Bà D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được Bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đoàn Thị Kim Yến

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Phòng THADS khu vực 1-Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 1-Vĩnh Long;
- TAND tỉnh VL;
- Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long;
- UBND xã Mỹ Thạnh Trung, huyện Tam Bình (nay là xã Tam Bình) tỉnh VL;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.